TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 29-4-2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đinh Cường
2. Ông Nguyễn Văn Phẩm

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2015/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2015. Về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST – DS, ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1941.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1940.

2/ Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1972.

3/ Chị Trần Thị Thùy W, sinh năm 1986 (có mặt).

4/ Anh Trần Trung E, sinh năm 1988.

5/ Chị Trần Thị Thu R, sinh năm 1991.

6/ Chị Trần Thị Thiên Y, sinh năm 1995.

7/ Ông Trần Văn U, sinh năm 1958 (vắng mặt).

8/ Ông Trần Văn I, sinh năm 1955 (có mặt).

9/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976 (có mặt).

10/ Chị Trần Thị Thùy F, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

11/ Bà Trần Thị B, sinh năm 1944 (chết ngày 22/3/2020).

Địa chỉ: Số 1, ấp Z, xã LP, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

12/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp PT, xã N, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

13/ Bà Châu Thị HG, sinh năm 1948 (vắng mặt).

14/ Chị Trần Thị LN, sinh năm 1967 (vắng mặt).

15/ Anh Trần Văn PG, sinh năm 1968 (vắng mặt).

16/ Anh Trần Phương PE, sinh năm 1976 (vắng mặt).

17/ Anh Trần Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt).

18/ Anh Trần Văn NI, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

19/ Chị Trần Thị HN, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

20/ Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh Vĩnh Long, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trọng LA- Phó giám đốc (có mặt).

Địa chỉ: Số 2, đường XC, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2014 và ngày 25/12/2018.

21/ Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít - Đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung E, Trần Thị Thu R, Trần Thị Thiên Y: Nguyên đơn ông Trần Văn L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy W (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2015).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Ngọc Q: Ông Tô Vĩnh HA, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 3, đường LV, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2016.

4. *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị B, sinh năm 1944 (chết ngày 22/3/2020).*

1/ Anh Huỳnh HƯ, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2/ Anh Huỳnh Hưng YN, sinh năm 1968 (vắng mặt).

3/ Chị Huỳnh Thị Ái LN, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp LB, xã KH, huyện TM, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị Huỳnh Thị HO, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4, Đường FB, Phường KM, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn ông Trần Văn L, cũng là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung E, Trần Thị Thu R, Trần Thị Thiên Y trình bày: Cha nguyên đơn Trần Văn L là cụ ông Trần Văn PO (chết 2002), mẹ là cụ bà Huỳnh Thị TP (chết 2002) có 07 người con: Gồm Trần Thị N, Trần Thị B (chết tháng 3/2020), Trần Thị G, Trần Văn I, Trần Văn U, Trần Văn L và Trần Văn MN (đã chết). Ông MN có vợ là bà Châu Thị HG, các con là Trần Thị LN, Trần Lan Phương, Trần Phương PE, Trần Văn V, Trần Văn NI, Trần Thị HN.

Nguyên đơn ông L là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa số 40, tờ bản đồ số 3, loại đất vườn, diện tích là 2.480 m^2 , hiện tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 07/7/2000.

Nguồn gốc thửa 40 là vào năm 1997 là cụ PO, cụ TP tặng cho với hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Năm 2000 ông L lập thủ tục đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng) với số tiền gốc 1.212.000.000 đồng đến nay đã quá hạn, nhưng chưa trả gốc, lãi theo thỏa thuận.

Bị đơn bà Trần Thị N có phần đất thửa 39 cũng do cụ PO, cụ TP cho liền kề với thửa 40 của ông L. Năm 2001 cụ TP và cụ PO cho bà N phần đất thuộc thửa 39 hiện bà N đứng tên quản lý sử dụng, không phải thửa 40 do ông L trong phần diện tích 2.480m^2 do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng phần đất thửa 39 của bà N đã lấn sang qua thửa số 40 của ông L và cất nhà ở. Đến khoảng năm 2013 bà N xây nhà cấp 4 (cột bê tông cốt thép, mái tonl, vách tường, nền láng xi măng và gạch tàu), lấn chiếm về hướng tây thửa 40 của ông L.

Việc cụ PO, cụ TP làm giấy cho con là bà N, thì ông L không biết. Phần đất của thuộc thửa số 40 của ông L tiếp giáp với thửa 39 của bà N có cắm mốc ranh, thể hiện mốc là cột đèn cập đường tỉnh 902, phía trong có con rạch

thiên nhiên. Khi bà N lấn chiếm và xây nhà, trồng cây thì có báo chính quyền địa phương có đến xem xét lập biên bản, nhưng bà N nói là đất của bà N.

Đối với phần đất gắn liền với nhà của ông I, thì khoảng năm 1990 không nhớ rõ cụ thể, do ông I không có chổ ở, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên ông L mới đồng ý cho ở nhờ đến nay. Cha, mẹ không có tặng cho phần đất thuộc thửa số 40 do ông L đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện tại ngoài phần đất mà ông I đang ở thì ông I không có phần đất nào khác.

Việc tranh chấp đất giữa ông L với bà N, ông I được Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không có kết quả. Ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Ngọc Q di dời nhà ở trên phần đất lấn chiếm của ông L thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 3 với tổng diện tích là 373,1m^2, không đồng ý bồi thường và hổ trợ di dời nhà cho bà N. Đối với yêu cầu công nhận của ông Trần Văn I diện tích là 562,4m^2 ông L không đồng ý và yêu cầu ông I di đời nhà trả lại đất cho cá nhân ông L, ông L không bồi thường giá trị nhà và hổ trợ di dời nhà cho ông I.

Phần đất tranh chấp ranh giữa bà N với ông L, diện tích 10,9m^2 thuộc thửa số 40 của ông L, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cây trồng trên đất hiện không có giá trị, nên giao đất cho ai thì người đó hưởng không phải bồi thường giá trị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng ông L thống nhất và đồng ý, không có ý kiến khác.

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/6/2018 và ngày 26/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn bà Trần Thị N; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Ngọc Q là ông Tô Vĩnh HA trình bày: Về quan hệ nhân thân, về số thửa, diện tích, vị trí, giáp giới đối với phần đất có tranh chấp như ông L trình bày là đúng.

Về phần đất tranh chấp theo xác định thực hiện quá trình khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ do bà N quản lý sử dụng như sau: Năm 1973 cụ ông PO, cụ bà TP (cha, mẹ của bà Trần Thị N và ông Trần Văn L) cho bà N chọn thửa 39 diện tích 240m^2 và một phần diện tích một phần thuộc thửa 40 có diện tích 480m^2 (cho nói miệng chưa lập văn bản), loại đất thổ quả và vườn. Bà N trực tiếp quản lý xây nhà ở và trồng cây ăn trái. Ngày 03/ 4/2001 cụ PO lập văn bản "Giấy cho con quyền sử dụng đất" có nội dung: Cụ PO làm giấy này cho con là bà N, 59 tuổi, hiện cư ngụ địa chỉ trên, được sử dụng diện tích đất thổ cư 480m^2, ngang 24m, sâu 20m, diện tích cho con từ năm 1973, qua nhiều biến cố chưa tách bộ được. Giấy này được Trưởng ban nhân dân Ấp và Ủy ban nhân dân xã M xác nhận.

Ông L là con út trong gia đình đã tự ý sang tên quyền sử dụng đất của cụ TP, trong đó có cả phần đất 480m^2 mà cụ TP, cụ PO đã cho bà N từ năm 1973. Đối với phần đất ông I yêu cầu công nhận thì cha, mẹ cho ở không có tặng cho ông I, như ông I đã trình bày.

Bà N nhiều lần yêu cầu ông L sang tên chuyển quyền sử dụng đất, nhưng ông L cứ hẹn và không tách thửa sang tên cho bà N theo quy định. Nay bà N, ông H, anh Q không đồng ý theo yêu cầu của ông L, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Trần Văn L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thùy W, Ông Trần Văn Thuấn, bà Trần Thị Thu R, Trần Thị Thiên Y, phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho cá nhân bà N, thuộc chiết thửa 40, diện tích là 373,1m^2, theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 13/3/2020, trừ đi phần diện tích nhà ông I là 55,3m^2; diện tích lấn rạch là 28,4m^2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần đất tranh chấp ranh giữa bà N với ông L, diện tích 10,9m^2 thuộc thửa số 40 của ông L, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho từ cụ TP qua ông L và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất thửa 40 cấp ngày 07/07/2000, số vào sổ 32186 do ông Trần Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N thì không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản phần đất công nhận cho bà N để thu hồi nợ do ông L vay Ngân hàng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L, bà N phải di dời nhà trả đất, thì bà N yêu cầu ông L, bồi thường và hỗ trợ tiền di dời nhà theo luật định. Cây trồng trên đất hiện không có giá trị, nên giao đất cho ai thì người đó hưởng không phải bồi thường giá trị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung E, chị Trần Thị Thu R, chị Trần Thị Thiên Y là chị Trần Thị Thùy W trình bày: Thống nhất ý kiến của ông L, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn U trình bày: Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc đất theo trình bày của ông L tôi xác định là đúng. Ông U có biết việc cha, mẹ tặng cho ông L quyền sử dụng đất như Lợi trình bày là đúng. Ông U không biết việc cha mẹ có tặng cho đất bà N. Ông U không yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I trình bày: Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc đất tranh chấp theo trình bày của ông L là đúng. Việc cha,

mẹ tặng cho ông L quyền sử dụng đất như ông L trình bày là đúng. Ông I không biết việc cha, mẹ có tặng cho đất bà N.

Phần đất theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018, diện tích là 587,1m^2. Ông I xác định có gắn với nhà của ông I, bà P và chị F quản lý sử dụng là do cha, mẹ cho các nhân ông I vào năm 1979. Khi tặng cho đất thì cha, mẹ chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, có chỉ ranh nhưng không cấm móc cụ thể, đến nay chưa đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật.

Nay ông I không đồng ý di dời nhà giao trả phần đất cho ông L, bà N theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018, diện tích là 587,1 m^2. Yêu cầu ông L và bà N giao trả cho cá nhân ông I phần đất diện tích là 587,1m^2, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Đối với phần đất theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018 chiết thửa 506-6 (chiết thửa 39-40) diện tích 10,9 m^2 xác định thuộc thửa 40 do ông L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện quản lý canh tác, nên ông I không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp Tòa án buộc ông I phải di dời nhà trả đất, thì ông I yêu cầu ông L, bà N bồi thường và hỗ trợ tiền di dời nhà theo luật định. Cây trồng trên đất hiện không có giá trị, nên giao đất cho ai thì người đó hưởng không phải bồi thường giá trị. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Thống nhất ý kiến của ông I, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 11/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G trình bày: Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc đất theo trình bày của ông L là đúng. Bà G có biết việc cha, mẹ tặng cho ông L quyền sử dụng đất như ông L trình bày là đúng. Không biết việc cha, mẹ có tặng cho đất bà N hay không. Bà G xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử, không yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 08/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị HG, chị Trần Thị LN, anh Trần Văn PG, anh Trần Phương PE, anh Trần Văn V, chị Trần Thị HN trình bày: Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc đất theo trình bày của ông L là đúng.

Sau khi cha mẹ chồng bà HG (cụ ông Trần Văn PO và cụ bà Huỳnh Thị TP) chết, thì ông L là con trai út nên quản lý, sử dụng đất, nhà từ trước đến nay. Bà Hai có biết việc cha, mẹ chồng tặng ông L quyền sử dụng đất như ông L trình bày là đúng. Không biết việc cha, mẹ có tặng cho đất bà N hay không. Bà HG, chị LN, anh PG, anh PE, anh V xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử, không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định.

Tại bản khai ý kiến và đơn xin vắng mặt ngày 30/3/2020 thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng (của bà Trần Thị B, chết ngày 22/3/2020) là anh Huỳnh HƯ, anh Huỳnh Hưng YN, chị Huỳnh Thị Ái LN, chị Huỳnh Thị HO trình bày: Mẹ là Trần Thị B (chết ngày 22/3/2020), cha là Huỳnh Văn KG (chết năm 2018), mẹ chúng tôi là bà B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông L với bà N. Nay chúng tôi không có yêu cầu độc lập trong vụ án, không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án bàn giao thông báo thụ lý cũng như không yêu cầu mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh Vĩnh Long ông Nguyễn Trọng LA trình bày: Vào ngày 16/11/2013 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X- Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số số 13.097.01 với Doanh nghiệp tư nhân Tân Lợi do ông L làm chủ, với số tiền gốc nhận nợ là 1.220.000.000 đồng; Mục đích vay: sản xuất gạch, gốm mỹ nghệ; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 03 tháng lãi trả sau + (cộng) biên độ 4% năm; lãi phạt quá hạn là 50% lãi cho vay trong hạn. Thực hiện hợp đồng tính đến ngày 14/11/2014 ông L còn nợ Ngân hàng là 1.212.000.000 đồng gốc, lãi 219.598.167 đồng (trong đó lãi trong hạn là 168.920.833 đồng, lãi quá hạn là 50.668.333 đồng).

Để bảo đảm tiền vay ông L ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 14570828/HĐTC ngày 31/10/2014 để bảo đảm cho Doanh nghiệp tư nhân YZ do ông L làm chủ, trong đó có thửa đất 40 đang tranh chấp giữa ông L với bà N, ông I.

Hiện nay khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân của ông Lđã quá hạn thanh toán nợ gốc là 1.212.000.000đ và nợ lãi. Ngân hàng yêu cầu cùng ông L đã thống nhất nhận nợ gốc, lãi. Nhưng do tài sản thế chấp cho Ngân hàng đang tranh chấp, nên không tiến hành thu hồi nợ được kéo dài cho đến nay.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ không thực hiện đúng hợp đồng, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông L có trách nhiệm trả nợ gốc là 1.212.000.000 đồng; lãi tính đến ngày 14/11/2014 là 219.589.167 đồng (trong đó lãi trong hạn là 168.920.833 đồng, lãi quá hạn 50.668.333 đồng), và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 11 năm 2014 theo Hợp đồng tín dụng số 13.097.01 ngày 16/01/2013, văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-13097.01/VBBSĐ, ngày 13/10/2014 cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp không trả nợ thì yêu cầu cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số:

14570828/HĐTC ngày 31/10/2014 để thu hồi nợ. Đồng ý không phát mãi phần đất nếu Tòa án công nhận cho bà N, ông I, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về trình tự thủ tục giải quyết vụ án, việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật. Quan điểm của Viện kiểm sát về phần nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông L, công nhận cho bà N đối với phần đất thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 3 với tổng diện tích là 373,1m^2, xác định theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít, lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, gồm các mốc 14, 15, 16, 2, C, D, E, F, G, 20, 19, 14 thuộc chiết thửa số 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000 hiện do bà Trần Thị N đang quản lý sử dụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông I phần đất thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 3 với tổng diện tích là 143,6. Hình thể, sơ đồ, vị trí, giáp giới được xác định theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13/ 3/2020, gồm các mốc 2, A, B, 7, F, E, C, D, 2, thuộc chiết thửa số 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000, gắn liền nhà của ông I hiện đang quản lý, sử dụng. Ông I phải trả giá trị đất được công nhận cho ông L số tiền là 86.160.000 đồng.

Bà N, ông I có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai phần đất được công nhận theo quy định.

Chấp nhận yêu cầu Ngân hàng, ông L có trách nhiệm trả Ngân hàng số tiền gốc 1.212.000.000 đồng gốc và lãi tính đến ngày 14/11/2014 là 219.589.167 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 11 năm 2014 theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 13.097.01 ngày 16/01/2013, văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-13097.01/VBBSĐ, ngày 13/10/2014 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông L không trả được nợ vay, thì nguyên đơn Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liến với đất ngày 16/8/2011, 31/10/2014 để thu hồi nợ. Nhưng được khấu trừ phần đất được công nhận cho ông I, bà N.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn L đối với phần đất tranh chấp với bà N, ông I theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài

nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018 chiết thửa 506-6 (thửa chiết thửa 39-40) diện tích 10,9 m^2 .

Về chi phí khảo sát, đo đạc xem xét thẩm định tại chổ và định giá, ông L, ông I phải chịu.

Miễn án phí cho ông I vì cao tuổi, ông L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn U, Trần Thị Thùy F, Trần Văn NI nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị G, Châu Thị HG, Trần Thị LN, Trần Văn PG, Trần Phương PE, Trần Văn V, Trần Thị HN và người đại diện theo pháp luật Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng Huỳnh HƯ, Huỳnh Hưng YN, Huỳnh Thị Ái LN, Huỳnh Thị HO xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với phần đất theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018 chiết thửa 506-6 (thửa chiết thửa 39-40) diện tích 10,9 m^2 hiện các đương sự xác định thuộc thửa 40 do ông L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện quản lý canh tác. Tại phiên tòa ông L, đại diện ủy quyền của bà N, ông I tự thỏa thuận không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận là tự nguyện không trái pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ý kiến, không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Phần đất theo xác định ranh của các đương sự theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018 thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10) do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/7/2000 diện tích 923,5m^2. Trong đó có 28,4m^2 lấn rạch (gồm các mốc 1, 2, 16, 15, 1); phần đất tranh chấp ranh giữa bà N ông L là 10,9m^2 (gồm các mốc 8, 9, 10, 20, 8); phần đất không tranh chấp thuộc quyền sử dụng quản lý của bà N là 78,8m^2 (gồm các mốc 11, 12, 13, 14, 19, 11); phần đất không tranh chấp diện tích là 229,2 m^2 (gồm các mốc 15, 16, 17, 18, 19, 14, 15), phần xác định ranh ông I yêu cầu diện tích là 587,1m (gồm các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 19, 18, 17, 16, 2). Tại phiên tòa căn cứ vào Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 13/3/2020 thì ông L với bà N tranh chấp

diện tích là 373,3m^2; phần đất ông I với ông L bà N là 562.3m^2. Phần đất này có nguồn gốc của cha, mẹ bà N, ông L, ông I là cụ ông Trần Văn PO (chết 2002) và cụ bà Huỳnh Thị TP (chết 2002) để lại, ông L kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/7/2000, ông L đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng là có thật vì đều này được các đương sự thừa nhận.

Xét, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Ngọc Q di dời nhà ở trên phần đất lấn chiếm của ông L thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 3 với tổng diện tích là 373,1m^2, không đồng ý bồi thường giá trị nhà và hỗ trợ di dời nhà. Đối với yêu cầu của ông Trần Văn I diện tích là 562,4m^2 ông L không đồng ý và yêu cầu ông I di đời nhà trả lại đất cho cá nhân ông L, ông L không đồng ý bồi thường giá trị nhà và hỗ trợ di dời nhà. Xét thấy, tại Giấy cho con quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2001 thể hiện cụ Trần Văn Phong, Huỳnh Thị TP cho con là bà N diện tích là 480m^2 từ năm 1973, bà N đã trực tiếp quản lý canh tác đến nay, đều này còn phù hợp với biên bản hòa giải ngày 08/12/2003 của Ban nhân dân ấp, biên bản hòa giải ngày 10/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, ông L không có chứng cứ chứng minh, khi xây nhà và trồng cây ông L không có ngăn cản. Bà N không đồng ý và yêu cầu buộc ông Trần Văn L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy W, anh Trần Trung E, chị Trần Thị Thu R, chị Trần Thị Thiên Y, phải công nhận phần đất theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 373,1m^2 (tách thửa 506-3, 506-9), theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, gồm các mốc 14, 15, 16, 2, C, D, E, F, G, 20, 19, 14, thuộc chiết thửa 40, trừ đi phần diện tích nhà ông I là 55,3m^2 là có căn cứ như nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu của bà N.

Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I yêu cầu của ông L giao trả phần đất do cha mẹ tặng cho vào năm 1979 là 562.3m^2 là không có căn cứ chấp nhận, bởi ông I không có chứng cứ chứng minh, ông L cũng như bà N không thừa nhận. Tuy nhiên trên phần đất tranh chấp ông I có yêu cầu hiện trạng có nhà của ông I cùng vợ bà P và con là chị F đang quản lý sử dụng, ông I bà P không có phần đất khác để ở, nên giao cho ông I tiếp tục quản lý sử dụng, ông I trả giá trị cho ông L là phù hợp. Phần diện tích ông I yêu cầu không phù hợp so với thực tế, ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như sản xuất kinh doanh của ông L, nghỉ nên chỉ công nhận cho ông I một phần để phục vụ sinh hoạt gia đình. Do đó, giao cho ông I phần đất gắn liền với nhà có tổng diện tích là 143,6m^2 theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13/ 3/2020. Ông I phải có trách nhiệm trả giá trị phần đất được công nhận cho ông L (143,6m^2 x 600.000 đ/m^2) là 86.160.000 đồng.

Cây trồng trên đất tất cả các đương sự thống nhất thuộc phần đất của ai thì người đó hưởng, không có yêu cầu xem xét giải quyết, nên miễn xét.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông L trả 2.212.000.000 đồng gốc và lãi tính đến ngày 14/11/2014 là 219.589.167 đồng (trong đó lãi trong hạn là 168.920.833 đồng, lãi quá hạn 50.668.333 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lại quá hạn theo hợp đồng. Trường hợp ông L không trả được gốc, lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông L và các thành viên hộ gia đình đồng ý và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Xét thấy, sự thỏa thuận là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật, nên ghi nhận. Phần đất đã được công nhận cho ông I, bà N được khấu trừ không phải phát mãi để thu hồi nợ, trong trường hợp ông L không trả được nợ, việc này ông L, bà N, ông I cũng như đại diện của Ngân hàng thống nhất, cũng không ảnh hưởng đến quá trình thu hồi nợ của Ngân hàng theo trình bày của người đại diện của Ngân hàng tại phiên tòa, không trái pháp luật, nên ghi nhận.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với diễn biến, tranh luận tại phiên tòa cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, đo đạc và định giá là 10.000.000 đồng, ông L, ông I mỗi người đã nộp 5.000.000 đồng. Ông L phải chịu là 5.000.000 đồng, ông I phải chịu là 5.000.000 đồng. Ông L, ông I đã nộp xong, nên không phải nộp thêm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: (giá đất là 600.000 đồng/m^2 để tính án phí)

- Ông L phải nộp án phí giá ngạch của yêu cầu bị bác, và án phí của số tiền phải trả ra cho Ngân hàng. Nhưng ông L có đơn xin miễn vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên xem xét miễn một phần, ông L phải nộp là 33.070.000 đồng.

- Miễn án phí cho ông I là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 164, 169, 170, 247, 255, 261 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 9, Điều 26 và các Điều 35, 147, 157, 161, 165, 166, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai; các Điều các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật thương mại; các Điều 24, 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Bác yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn L, về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N, cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Ngọc Q di dời nhà ở trên phần đất lấn chiếm có tổng diện tích là 373,1m^2 (tách thửa 506-3, 506-6) xác định theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu

đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, gồm các mốc 14, 15, 16, 2, C, D, E, F, G, 20, 19, 14 thuộc chiết thửa số 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000, hiện do bà Trần Thị N đang quản lý sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị N.

Công nhận cho bị đơn bà Trần Thị N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích là 373,1m^2 (tách thửa 506-3, 506-9). Hình thể, sơ đồ, vị trí, giáp giới được xác định theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, gồm các mốc 14, 15, 16, 2, C, D, E, F, G, 20, 19, 14 thuộc chiết thửa số 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000, hiện do bà Trần Thị N đang quản lý sử dụng.

Bị đơn bà Trần Thị N có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai phần đất được công nhận theo quy định.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn I.

Công nhận cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn I được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích là 143,6m^2. (tách thửa 506-8, 506-10). Hình thể, sơ đồ, vị trí, giáp giới được xác định theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất, phục vụ công tác xét xử của Tòa án, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 13/ 3/2020, gồm các mốc 2, A, B, 7, F, E, C, D, 2, thuộc chiết thửa số 40, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 506, tờ bản đồ số 10), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000, gắn liền nhà của ông Trần Văn I hiện đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai phần đất được công nhận theo quy định.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I có trách nhiệm trả giá trị đất được công nhận cho nguyên đơn ông Trần Văn L số tiền là 86.160.000 đồng (tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cây trồng và các loại tài sản khác (nếu có) phát sinh sau khi khảo sát, đo đạc ngày 18/5/2018 có trên phần đất được công nhận cho ông Trần Văn I, bà

Trần Thị N, của ai thì người đó tự tháo dỡ di dời và không được xem xét bồi thường.

4. Nguyên đơn ông Trần Văn L phải có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần X- Chi nhánh Vĩnh Long số tiền gốc 1.212.000.000 đồng gốc và lãi tính đến ngày 14/11/2014 là 219.589.167 đồng (trong đó lãi trong hạn là 168.920.833 đồng, lãi quá hạn 50.668.333 đồng), tổng cộng gốc lãi là 1.431.589.167 đồng (một tỷ, bốn trăm ba mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Trần Văn L có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 11 năm 2014 theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 13.097.01 ngày 16/01/2013, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-13097.01/VBBSĐ, ngày 13/10/2014 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Văn L không trả được nợ vay, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X- Chi nhánh Vĩnh Long có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/8/2011, 31/10/2014 để thu hồi nợ. Nhưng được khấu trừ phần đất được công nhận cho ông Trần Văn I, bà Trần Thị N nêu trên.

5 . Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Trần Văn L đối với phần đất tranh chấp với bà Trần Thị N, ông Trần Văn I theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 10/8/2018 chiết thửa 506-6 (thửa chiết thửa 39-40) diện tích 10,9 m^2 ,gồm các mốc 8,20, 10, 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M573254, số vào sổ 32186, cấp ngày 07/7/2000, hiện do ông Trần Văn L quản lý, sử dụng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, khảo sát đo đạc và định giá là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ông Trần Văn L, ông Trần Văn I mỗi người phải chịu là 5.000.000 đồng. Ông Trần Văn L, ông Trần Văn I đã nộp xong, nên không phải nộp thêm.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn ông Trần Văn L phải nộp án phí là 33.070.000 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn), được khấu trừ từ 1.620.000 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo các biên lai số N^o 0004850, ngày 17/11/2015, nên phải nộp thêm là 31.450.000 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Miễn án phí cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I là người cao tuổi.

- Hoàn trả cho cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn I 2.692.000 đồng (hai triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai số N^{o} 0005511, ngày 20/3/2017, và biên lai số 0006679, ngày 17/9/2018.

- Hoàn trả cho bị đơn bà Trần Thị N 1.440.000 đồng (một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai số N^{o} 022167, ngày 13/11/2014.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần X- Chi nhánh Vĩnh Long 27.474.000 đồng (hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo biên lai số 022214, ngày 10 tháng 12 năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành ánh chưa thi hành án xong đối với số tiền phải thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cụcTHADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc